TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-ST
Ngày: 03-9-2020
"V/v Tranh chấp kiện đòi nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 24/02/2020 về việc "Tranh chấp kiện đòi nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-DS, ngày 28/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-DS, ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch - sinh năm 1950 (vắng mặt, ủy quyền cho bà Trần Thị Bích Gi theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Bà Trần Thị Bích Gi - sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã V1, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (hiện đang tạm trú và sinh sống tại: Ấp B, xã V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn U - sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt) cùng vợ bà Phạm Thị N - sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ph, xã V2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020 của bà Nguyễn Thị Ch và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ch là bà Trần Thị Bích Gi trình bày: Bà Phạm Thị N có làm chủ hụi nên bà Ch có chơi hụi, cụ thể như sau:

Vào ngày 09/4/2017 âl, bà N áp dây hụi 1.000.000 đồng, nữa tháng xổ 01 lần, gồm có 28 hụi viên, bà Ch có chơi 02 chân, khi hụi xổ được 21 lần còn lại 07 lần thì ngưng. Do đó, bà Ch đã đóng được 21 lần với số tiền là 42.000.000 đồng. Tiếp đến vào ngày 10/4/2017 âl, bà N áp dây hụi 500.000 đồng, một tuần

xổ 01 lần, gồm có 35 hụi viên, bà Ch có chơi 01 chân và hụi xổ được 18 lần thì bà Ch hốt với số tiền là 11.500.000 đồng nhưng bà N chỉ giao tiền hụi được 1.000.000 đồng rồi không giao nữa. Từ đó, bà N ngưng không xổ hụi nữa. Khi bà N ngưng không xổ hụi nữa thì bà Ch và những hụi viên còn lại đến gặp bà N để yêu cầu bà trả lại tiền hụi nhưng bà N hứa mà không thực hiện. Do đó, giữa bà Ch và bà N có gặp nhau tính toán lại tiền hụi của các dây hụi thì bà N làm biên nhận nợ cho bà Ch với số tiền là 40.500.000 đồng và bà N hứa mỗi tháng trả 1.500.000 đồng. Bà N hứa mà không trả được nợ để kéo dài đến nay.

Nguyện vọng: Bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải trả cho bà Ch số tiền nợ hụi còn thiếu là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Đồng thời, bà Gi xin rút một phần yêu cầu khởi với số tiền là 8.570.000 đồng và yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử.

Tại bản tự khai đề ngày 08/5/2020 bị đơn ông Trần Văn U trình bày: Vợ tôi là bà N có làm chủ hụi như bà Ch trình bày là đúng sự thật. Sau đó, vợ tôi ngưng không xổ hụi nữa thì bà Ch và những hụi viên còn sống có đòi nợ nhiều lần, vợ chồng tôi có hứa mà không trả được nợ. Đồng thời, vợ chồng tôi có làm biên nhận nợ với bà Ch vào ngày 04/01/2019âl là vợ chồng tôi còn thiếu bà Ch số tiền hụi là 40.500.000 đồng.

Nguyện vọng: Tôi thừa nhận vợ chồng tôi còn nợ bà Ch tiền hụi là 40.500.000 đồng nên tôi xin bà Ch giảm bớt cho vợ chồng tôi còn 35.000.000 đồng, vợ chồng tôi xin trả dần số tiền trên mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn bà Phạm Thị N không tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch, buộc ông Trần Văn U và bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch số tiền là 40.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Bích Gi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 8.570.000 đồng nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử số tiền 8.570.000 đồng này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N trả số tiền nợ hụi còn thiếu nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp kiện đòi nợ hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn U vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

Bị đơn bà Phạm Thị N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tống đạt hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Các đương sự thừa nhận bà Phạm Thị N làm chủ hụi và bà Nguyễn Thị Ch có chơi hụi là đúng sự thật. Xét về thỏa thuận chơi hụi trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp theo tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được tự nguyện thi hành.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ch thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa thì các đương sự đã thừa nhận là bà N có làm chủ hụi và bà Ch có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ là đúng sự thật vì được ông U thừa nhận. Đồng thời, ông U cũng xác định khi bà N (vợ ông U) ngưng không xổ hụi nữa thì bà Ch có đến gặp vợ chồng ông để yêu cầu trả nợ nhưng ông U, bà N chỉ hứa mà không thực. Hơn nữa, ông U, bà N có làm biên nhận với bà Ch vào ngày 04/01/2019 âl là bà N, ông U còn thiếu bà Ch số tiền là 40.500.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 1.500.000 đồng nhưng ông U, bà N chỉ hứa mà không thanh toán tiền cho bà Ch là vi phạm nghĩa trả nợ. Do đó, bà Ch khởi kiện yêu cầu ông U, bà N trả cho bà Ch số tiền hụi còn nợ là 40.500.000 đồng là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Xét về lời trình bày của ông Trần Văn U thì ông cũng thừa nhận vợ chồng ông còn thiếu bà Ch số tiền hụi là 40.500.000 đồng nhưng ông yêu cầu bà Ch giảm bớt còn 35.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của ông U không được bà Ch chấp nhận nên buộc bà N, ông U phải có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền hụi còn thiếu là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng) là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Phạm Thị N, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án trực tiếp đến nhà bà N tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật và ông U chồng bà N cũng nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, yêu cầu bà đến Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nhưng bà không đến nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà N đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Ch. Do vậy, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà theo qui định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền hụi còn nợ là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với số tiền là 8.570.000 đồng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Bích Gi xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch.

[5] Về án phí DSST là: Bà Nguyễn Thị Ch thuộc người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Nguyễn Thị Ch được miễn nộp tạm án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 40.500.000đ x 5% = 2.025.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đối với ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N.

Buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đối với ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N đối với số tiền là 8.570.000 đồng.

2. Về án phí DSST: Là 2.025.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) buộc ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N phải nộp.

Bà Nguyễn Thị Ch thuộc người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà Nguyễn Thị Ch được miễn nộp tạm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho bà Nguyễn Thị Ch biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 03/9/2020.

Ông Trần Văn U, bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh